

THÔNG BÁO

Về việc tạm thu chi phí đào tạo hệ sau đại học năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Thủ tướng chính phủ ngày 27/08/2021 về việc “Quy định về quy chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo”;

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/12/2022 về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 4157/ĐHTN-KHTC của Đại học Thái Nguyên ngày 06/09/2023 về việc đề nghị chỉ đạo và quán triệt thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-ĐHYD ngày 01/03/2023 về việc Ban hành Quy định mức thu chi phí đào tạo đối với các hệ đại học và sau đại học năm 2022-2023;

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024 của Trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên.

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên thông báo đến lãnh đạo các đơn vị, toàn thể học viên Sau đại học Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên về việc tạm thu chi phí đào tạo năm học 2023-2024 với những nội dung sau:

1. Mức chi phí đào tạo tạm thu: (Theo phụ lục đính kèm)

2. Thời hạn thu chi phí đào tạo: (Theo phụ lục đính kèm)

3. Hình thức thu:

Học viên nộp chi phí đào tạo qua tài khoản ngân hàng theo thông tin sau:

- Tên tài khoản thụ hưởng: **Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên**

- Số tài khoản: **8501201007773**- Tại NH : **Nông nghiệp & PTNT - CN Nam Thái Nguyên**

- Nội dung nộp chi phí đào tạo theo cú pháp như sau:

Họ và tên – lớp – chuyên ngành – HP đợt .

4. Tổ chức thực hiện:

- Học viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc thời gian nộp chi phí đào tạo theo phụ lục đính kèm

- Phòng Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm tạm thu chi phí đào tạo theo đúng lịch kèm thông báo này.

- Phòng Đào tạo có trách nhiệm thông báo nội dung của thông báo này đến Học viên sau đại học trong toàn trường biết để thực hiện. Sau thời hạn nộp phòng Đào tạo căn cứ danh sách học viên chưa đóng chi phí đào tạo do phòng KHTC gửi để dừng việc thi kết thúc môn học, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp đối với học viên chưa đóng chi phí đào tạo.

HS



Mức chi phí đào tạo chính thức của năm học 2023-2024 sẽ được tính cụ thể sau khi có Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021.

Trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên đề nghị các đơn vị và học viên nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Phòng Đào tạo;
- Phòng CNTT&TV;



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

UC
RUC
I F
DU
THA

PHỤ LỤC

Kèm theo thông báo số: 115/TB - ĐHYD, ngày 2 tháng 10 năm 2023 của Trường ĐH Y Dược Thái Nguyên)

STT	Đối tượng	Mức thu tạm thu chi phí đào tạo / tháng	Mức tạm thu chi phí đào tạo học kì I năm học 2023-2024	Thời gian học	Thời gian thu học phí
I	Nghiên cứu sinh				
1	NCS K 16	3.575.000	17.875.000	Đợt 4 Từ 8/2023 đến 6/2024	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
2	NCS K18	3.575.000	17.875.000	Đợt 2 từ 7/2023 đến 6/2024	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
II	Cao học				
1	Cao học K25	2.145.000	6.435.000	Đợt 3 từ 8/2023 đến 12/2023	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
2	Cao học K26	2.145.000	10.725.000	Đợt 2 từ 8/2023 đến 6/2024	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
III	Bác sĩ nội trú				
1	BSNT Khóa 14	2.145.000	6.435.000	Đợt 4 (tháng 8/2023 đến 12/2023)	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
2	BSNT Khóa 15	2.145.000	10.725.000	Đợt 4 (tháng 8/2023 đến 6/2024)	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
3	BSNT Khóa 16	2.145.000	10.725.000	Đợt 2 (tháng 8/2023 đến 6/2024)	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
IV	Chuyên khoa 1				
1	CK1K26 hệ 2 năm	2.145.000	10.725.000	Đợt 4 (Từ 01/8/2023 đến 01/12/2023)	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
2	CK1K26 hệ 3 năm	2.145.000	10.725.000	Đợt 4 (7/8/2023 đến 4/11/2023)	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
3	CK1K25 tại trường	2.145.000	8.580.000	Đợt 6 (17/7/2023 đến 12/11/2023)	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
4	CK1K25 Lào Cai (theo HĐ)	3.045.000	15.225.000	Năm 2023	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
5	CK1K25 Phú Thọ (theo HĐ)	3.045.000	15.225.000	Năm 2023	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
6	CK1K25 Hà Giang (theo HĐ)	3.045.000	15.225.000	Năm 2023	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
7	CK1K25 Bắc Ninh (theo HĐ)	3.045.000	15.225.000	Năm 2023	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
8	CK1K25 Đông Anh	2.145.000	8.580.000	Đợt 6 (17/7/2023 đến 12/11/2023)	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
9	CK1K27 hệ 2 năm	2.145.000	10.725.000	Đợt 2 (31/7/2023 đến 2/2/2024)	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023
10	CK1K27 hệ 3 năm	2.145.000	10.725.000	Đợt 3 (4/9/2023 đến 01/12/2023)	Từ ngày 5/10/2023 đến 14/10/2023